

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ - ST

Ngày 18/8/2021

"V/v ly hôn giữa ông Đ và bà B"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điền.

**- Các hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Đàm Chí Thân

2/ Bà Vũ Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Nga - Là thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh: bà Vũ Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị Q xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX - ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2021 ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961.

Nơi ĐKNKTT: Khu 6, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**\* Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962.

Nơi ĐKNKTT: Khu 6, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt. (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; trú tại: Khu 6, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện kết hôn vào tháng 9 năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q (nay là phường Q), thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn

hai bên có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại khu 6, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Sau đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2013, khi ly thân mỗi người sống một nơi khác nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Nay ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/7/1985 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 23/10/1991 (các con chung đã thành niên).

- Về tài sản chung và vay nợ: Ông Đ xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà B xong bà B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bà B vắng mặt làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường P, thị xã Q nơi ông Đ và bà B sinh sống, ông Vũ Tài T trưởng khu 6 và ông Lê Kỳ H phó chủ tịch UBND phường P, thị xã Q cho biết, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q (nay là phường Q) vào tháng 9 năm 1984. Sau khi kết hôn ông Đ và bà B sinh sống tại khu 6, phường P, thị xã Q. Quá trình chung sống ông Đ và bà B đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2013. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm xúc phạm đến nhau, gia đình, khu phố cùng chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhưng không có kết quả hiện tại mỗi người ở một nơi. Quan điểm của địa phương nếu hai bên không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Quá trình chung sống ông Đ và bà B có 02 con chung Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/7/1985 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 23/10/1991 (các con chung đã thành niên), còn về tài sản chung và nợ chung địa phương không nắm được.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Thẩm phán, thư ký được phân công cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng Điều 26, Điều 40, Điều 68 BLTTDS; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự tại Điều 195, 196 BLTTDS; thời hạn giải quyết vụ án Điều 203 BLTTDS.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật: Không đến Tòa án theo triệu tập, quy định tại khoản 16 Điều 70 của BLTTDS, gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

3. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ với bà Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện ly hôn đối với bà Nguyễn Thị B có địa chỉ tại khu 6, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị B là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2013 cho đến nay, khi ly thân mỗi người sống một nơi khác nhau và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Gia đình hai bên cùng

chính quyền địa phương đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay ông Đ xác định tình cảm giữa ông và bà B không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà B. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan tâm dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ với bà Nguyễn Thị B là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Ông Đ xác định vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Tiến M, sinh ngày 15/7/1985 và Nguyễn Tiến P, sinh ngày 23/10/1991 (các con chung đã thành niên) nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và vay nợ*: Ông Đ xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận với nhau và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

**Tuyên xử:**

*1. Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn ông Đạt đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001804 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo:* Có mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị B báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TX Q;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TX Q;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, TX Q (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Văn Điền***